

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THỂ
VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán*

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 26
Bảng cân đối kế toán	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty Cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, Km2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tôn Long Ngà	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 01/09/2011)
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 01/09/2011)
Ông Đoàn Thế Dũng	Ủy viên	
Ông Trần Ngọc Minh	Ủy viên	
Ông Trương Thanh Hà	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Long Trí	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/08/2011)
Ông Đoàn Thế Dũng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/08/2011)
Ông Hoàng Văn Chính	Giám đốc chuyên môn	
Ông Đồng Văn Thìn	Giám đốc chuyên môn	(Nghỉ hưu ngày 01/04/2011)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thược	Ủy viên
Bà Lê Vân Anh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội

Địa chỉ: Số 11, Km2, thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Trần Long Trí

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội*

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Công ty chưa trích lập đầy đủ khoản dự phòng phải thu khó đòi cho một số đối tượng khách hàng đã quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Số tiền ước tính cần trích lập thêm là 2.059.000.000 VND, dẫn đến lợi nhuận trước thuế phản ánh tăng lên số tiền 2.059.000.000 VND.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán**

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		45.511.112.210	57.029.216.138
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.617.982.511	16.923.208.742
111	1. Tiền		3.317.982.511	5.923.208.742
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.300.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.113.788.746	11.824.224.381
131	1. Phải thu khách hàng		11.170.648.017	14.104.001.370
132	2. Trả trước cho người bán		5.505.000	36.774.240
135	3. Các khoản phải thu khác	4	1.426.152.817	94.599.659
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.488.517.088)	(2.411.150.888)
140	IV. Hàng tồn kho	5	22.694.800.832	27.065.578.268
141	1. Hàng tồn kho		22.694.800.832	27.065.578.268
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		84.540.121	1.216.204.747
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		70.650.121	160.335.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	6.233.453
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	13.890.000	1.049.636.294
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.091.808.441	21.460.599.516
220	II . Tài sản cố định		18.858.639.410	21.095.690.744
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	14.848.576.910	17.134.378.244
222	- Nguyên giá		32.963.008.157	32.963.008.157
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.114.431.247)	(15.828.629.913)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	-	-
228	- Nguyên giá		16.274.000	16.274.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.274.000)	(16.274.000)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	4.010.062.500	3.961.312.500
260	V. Tài sản dài hạn khác		233.169.031	364.908.772
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	233.169.031	364.908.772
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		64.602.920.651	78.489.815.654

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		16.348.497.866	31.816.946.178
310	I. Nợ ngắn hạn		16.282.234.958	31.770.167.956
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	5.707.000.005	5.707.000.005
312	2. Phải trả người bán		5.870.521.350	18.726.055.034
313	3. Người mua trả tiền trước		1.100.590.518	4.314.654.137
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	588.769.482	522.607.285
315	5. Phải trả người lao động		1.147.688.509	1.807.623.609
316	6. Chi phí phải trả	13	342.088.306	150.542.040
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	1.455.808.210	277.739.520
320	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		20.708.000	45.980.569
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		49.060.578	217.965.757
330	II. Nợ dài hạn		66.262.908	46.778.222
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		66.262.908	46.778.222
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		48.254.422.785	46.672.869.476
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	45.884.468.785	45.960.800.476
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	35.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.197.775.000	4.197.775.000
416	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(73.445.305)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.583.775.960	3.583.775.960
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		295.000.000	-
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.807.917.825	3.252.694.821
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.369.954.000	712.069.000
432	1. Nguồn kinh phí	16	2.369.954.000	712.069.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		64.602.920.651	78.489.815.654

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
2. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		2.490.000.000	2.490.000.000

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lý

Trần Long Trí

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	55.914.269.319	89.988.165.235
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		931.200.000	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.983.069.319	89.988.165.235
11	4. Giá vốn hàng bán	18	47.600.047.472	82.130.694.443
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.383.021.847	7.857.470.792
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	1.115.388.521	365.064.923
22	7. Chi phí tài chính	20	813.217.866	581.840.584
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		813.217.866	581.840.584
24	8. Chi phí bán hàng	21	386.600.405	216.973.908
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4.376.689.145	3.977.117.439
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.921.902.952	3.446.603.784
31	11. Thu nhập khác		100.000.000	750.000.000
32	12. Chi phí khác		-	755.700.061
40	13. Lợi nhuận khác		100.000.000	(5.700.061)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.021.902.952	3.440.903.723
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	313.985.127	488.208.902
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.707.917.825	2.952.694.821
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	774	930

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lý

Trần Long Trí

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		57.481.503.264	103.652.174.377
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(52.319.864.332)	(77.892.227.701)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.426.864.910)	(6.004.518.358)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(621.671.600)	(597.168.544)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(578.144.522)	(540.809.500)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.597.510.899	2.589.806.266
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.071.525.240)	(7.100.464.153)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.939.056.441)	14.106.792.387
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(4.399.529.372)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	700.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(30.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.191.277.410	339.389.823
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.191.277.410	(3.360.139.549)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	5.930.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(1.719.252.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.557.447.200)	(3.600.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.557.447.200)	610.748.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.305.226.231)	11.357.400.838
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		16.923.208.742	5.565.807.904
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	12.617.982.511	16.923.208.742

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lý

Trần Long Trí

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị Kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, Km2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 35.000.000.000 VND (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn). Tương đương 3.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100779340 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 28 tháng 09 năm 2005 (Giấy đăng ký kinh doanh số 0103009203 thay đổi lần 6 ngày 19 tháng 11 năm 2010), hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110 KV;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110 KV;
- Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, vật tư thiết bị điện, điện tử, thông tin viễn thông;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, mua bán máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện có điện áp đến 110 KV;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện và vật liệu cách điện.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Khoản dự phòng phải thu khó đòi chưa được trích lập đầy đủ cho một số đối tượng khách hàng đã quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Nguyên nhân, do các khách hàng này vẫn đang trong quá trình thu hồi công nợ và đơn vị cam kết sẽ đưa ra các biện pháp thu hồi hiệu quả trong thời gian tới. Số tiền ước tính cần trích lập thêm theo thông tư 228/2009/TT-BTC là 2.058.904.290 VND.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với thành phẩm máy biến thế giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Một số thành phẩm máy biến áp còn tồn tại 31/12/2011 là các máy biến áp sản xuất theo đơn đặt hàng nhưng sau đó khách hàng không lấy hàng nữa. Hiện tại đơn vị chưa đánh giá được giá trị thu hồi do sản phẩm làm theo đơn đặt hàng đơn chiếc và đơn vị cũng dự kiến sẽ sửa chữa và thay đổi thiết kế khi có khách hàng mới đặt hàng tương tự. Tổng giá trị sổ sách các máy biến áp này là 739.033.904 VND.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích và phù hợp với hướng dẫn theo Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 10 năm

2.7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.15. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	71.435.156	120.676.371
Tiền gửi ngân hàng	3.246.547.355	5.802.532.371
Các khoản tương đương tiền	9.300.000.000	11.000.000.000
	12.617.982.511	16.923.208.742

Các khoản tương đương tiền tại thời điểm điểm 31 tháng 12 năm 2011 là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất linh hoạt.

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm y tế	46.679.024	-
Kinh phí công đoàn	-	18.710.770
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	75.888.889
Phải thu khác (*)	1.379.473.793	-
	1.426.152.817	94.599.659

(*): Đây là khoản thuế GTGT đầu vào của các nhà cung cấp đã bỏ trốn, phá sản. Công ty đang truy thu của các cá nhân đã lấy các hóa đơn này.

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.184.808.326	16.999.579.092
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.048.529.364	5.574.253.994
Thành phẩm	5.381.787.325	4.491.745.182
Hàng gửi đi bán	79.675.817	-
	22.694.800.832	27.065.578.268

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	4.430.000	48.750.000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.460.000	1.000.886.294
	13.890.000	1.049.636.294

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, trườn dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	13.065.705.333	16.400.439.409	2.108.748.331	1.388.115.084	32.963.008.157
Số tăng trong năm	-	12.500.000	-	-	12.500.000
- <i>Tăng khác</i>	-	12.500.000	-	-	12.500.000
Số giảm trong năm	-	-	(12.500.000)	-	(12.500.000)
- <i>Giảm khác</i>	-	-	(12.500.000)	-	(12.500.000)
Số dư cuối năm	13.065.705.333	16.412.939.409	2.096.248.331	1.388.115.084	32.963.008.157
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	6.158.654.070	7.594.172.972	1.030.002.132	1.045.800.739	15.828.629.913
Số tăng trong năm	580.764.513	1.408.045.535	193.547.208	103.444.078	2.285.801.334
- <i>Khấu hao trong năm</i>	580.764.513	1.408.045.535	193.547.208	103.444.078	2.285.801.334
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.739.418.583	9.002.218.507	1.223.549.340	1.149.244.817	18.114.431.247
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	6.907.051.263	8.806.266.437	1.078.746.199	342.314.345	17.134.378.244
Tại ngày cuối năm	6.326.286.750	7.410.720.902	872.698.991	238.870.267	14.848.576.910

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.196.656.333 VND.
- Nguyên giá của các tài sản cố định hư hỏng và tạm dừng hoạt động tại thời điểm 31/12/2011 là: 1.677.098.474 VND.

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	16.274.000	16.274.000
Số dư cuối năm	16.274.000	16.274.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	16.274.000	16.274.000
Số dư cuối năm	16.274.000	16.274.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định		
Máy hồ quang xoay chiều, có biển thể và tụ	484.462.500	484.462.500
Máy đột dập nhập khẩu	3.525.600.000	3.476.850.000
	4.010.062.500	3.961.312.500

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Số dư đầu năm	364.908.772	453.580.405
Số tăng trong năm	109.961.000	348.061.820
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(241.700.741)	(242.293.453)
Giảm khác	-	(194.440.000)
	233.169.031	364.908.772

Trong đó, số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí cải tạo, sửa chữa	66.872.000	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	166.297.031	364.908.772
	233.169.031	364.908.772

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.707.000.005	5.707.000.005
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (1)	5.670.000.000	5.670.000.000
Ông Phí Hữu Tâm (2)	37.000.005	37.000.005
	5.707.000.005	5.707.000.005

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1): Bao gồm 02 hợp đồng vay, như sau:

Hợp đồng vay vốn số 001/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 02/04/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Tổng số tiền cho vay là 1.620.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay đến 30/06/2011;
- + Lãi suất cho vay: 15%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 003/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 12/05/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Tổng số tiền cho vay là 4.050.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay đến hết ngày 30/06/2011;
- + Lãi suất cho vay: 15%/năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(2): Hợp đồng vay ngày 31/12/2009, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 12 tháng (Đã hết hạn vay ngày 31/12/2010, tuy nhiên hai bên chưa ký hợp đồng bổ sung)
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	370.261.343	28.232.140
Thuế thu nhập doanh nghiệp	213.169.750	477.329.145
Thuế thu nhập cá nhân	2.938.389	17.046.000
Các loại thuế khác	2.400.000	-
	588.769.482	522.607.285

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay		
- <i>Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện</i>	332.778.400	146.475.000
- <i>Ông Phi Hữu Tâm</i>	9.309.906	4.067.040
	342.088.306	150.542.040

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	213.255.410	277.739.520
Cổ tức phải trả Tổng Công ty	1.242.552.800	-
	1.455.808.210	277.739.520

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	3.267.775.000		2.583.775.960	-	2.891.056.255	38.742.607.215
Tăng vốn trong năm trước	5.000.000.000	930.000.000	-	-	-	-	5.930.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.952.694.821	2.952.694.821
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.000.000.000	-	(1.391.056.255)	(391.056.255)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(73.445.305)	-	-	-	(73.445.305)
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000	4.197.775.000	(73.445.305)	3.583.775.960	-	3.252.694.821	45.960.800.476
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	2.707.917.825	2.707.917.825
Tăng khác	-	-	73.445.305	-	-	-	73.445.305
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	295.000.000	(352.694.821)	(57.694.821)
Số dư cuối năm nay	35.000.000.000	4.197.775.000	-	3.583.775.960	295.000.000	2.807.917.825	45.884.468.785

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	15.531.910.000	15.531.910.000
Vốn góp của các đối tượng khác	19.468.090.000	19.468.090.000
Cộng	35.000.000.000	35.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000
Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	5.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.800.000.000	1.200.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	2.800.000.000	1.200.000.000

Theo nghị quyết số 10/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 ngày 26/04/2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2010 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
- Kết quả kinh doanh sau thuế		3.252.694.821
- Trích Quỹ Dự phòng tài chính		295.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		57.694.821
- Chi trả cổ tức (*)	8	2.800.000.000
- Lợi nhuận chưa phân phối		100.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.500.000	3.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

16. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	712.069.000	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.833.000.000	1.310.000.000
Chi sự nghiệp	(175.115.000)	(597.931.000)
	2.369.954.000	712.069.000

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	55.527.184.775	89.252.541.835
Doanh thu cung cấp dịch vụ	387.084.544	735.623.400
	55.914.269.319	89.988.165.235

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	47.600.047.472	82.130.694.443
	47.600.047.472	82.130.694.443

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.115.388.521	339.389.823
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	25.675.100
	1.115.388.521	365.064.923

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	813.217.866	581.840.584
	813.217.866	581.840.584

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân công	324.366.950	170.300.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.500.455	1.699.091
Chi phí khác bằng tiền	49.733.000	44.974.454
	386.600.405	216.973.908

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	28.361.205	38.469.451
Chi phí nhân công	2.741.901.759	1.852.762.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.406.418	150.382.048
Thuế, phí, lệ phí	267.628.524	266.763.449
Chi phí dự phòng	101.835.732	758.751.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.549.999	55.734.220
Chi phí khác bằng tiền	737.005.508	854.254.317
	4.376.689.145	3.977.117.439

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.021.902.952	3.440.903.723
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	262.469.864	110.400.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	262.469.864	110.400.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	3.284.372.816	3.551.303.723
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	821.093.204	887.825.931
Thuế TNDN được giảm	(507.108.077)	(399.617.029)
- Giảm 50% thuế TNDN từ KD máy biến áp	(353.566.658)	(379.098.397)
- Giảm 50% thuế TNDN từ đầu tư chiều sâu TSCĐ	(18.976.365)	(20.518.632)
- Giảm 30% thuế TNDN theo NQ08/2011/QH13	(134.565.054)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	313.985.127	488.208.902

Thuyết minh ưu đãi thuế của Công ty gồm:

1. Theo hướng dẫn tại Công văn số 121165/CT/HTr ngày 01/09/2006 của Cục thuế TP Hà Nội, chi phí thuế TNDN của Công ty được xác định như sau

- Công ty CP Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN cho khoảng thời gian còn lại của các hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của hai Công ty được hợp nhất.

- Tuy nhiên, Công ty chưa thể tách riêng được doanh thu, chi phí của sản phẩm máy biến áp được miễn thuế TNDN, nên thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động kinh doanh được miễn, giảm thuế TNDN được xác định:

$$\begin{array}{l} \text{Thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt} \\ \text{động sản xuất kinh doanh được miễn,} \\ \text{giảm thuế TNDN được xác định} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng thu} \\ \text{nhập chịu} \\ \text{thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% doanh thu của hoạt động kinh} \\ \text{doanh được miễn, giảm thuế TNDN so} \\ \text{với tổng doanh thu} \end{array}$$

Miễn 02 năm đầu và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo thuế TNDN phải nộp đối với lợi nhuận thu được từ máy biến áp (kể từ năm 2005):

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu máy biến áp	47.351.944.836	76.849.229.192
Tổng doanh thu	54.983.069.319	89.988.165.235
Tỷ lệ doanh thu máy biến áp/ Tổng doanh thu	86,12%	85,40%
Lợi nhuận được giảm 50% thuế TNDN	2.828.533.262	3.032.787.178
Thuế TNDN được giảm	353.566.658	379.098.397

2. Được miễn thuế đối với lợi nhuận từ việc đầu tư chiều sâu Hệ thống làm thu hồi van TSCĐ: Miễn thuế TNDN năm đầu từ năm 2007; giảm 4 năm tiếp theo (kể từ năm 2007):

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng giá trị TSCĐ đầu tư mới năm 2007	1.524.374.800	1.524.374.800
Tổng giá trị TSCĐ tại ngày cuối kỳ	32.979.282.157	32.979.282.157
Tỷ lệ TSCĐ đầu tư mới năm 2007/Tổng TSCĐ	4,62%	4,62%
Lợi nhuận được giảm 50% thuế TNDN	151.810.920	164.149.052
	18.976.365	20.518.632

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.707.917.825	2.952.694.821
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.707.917.825	2.952.694.821
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.174.727
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	774	930

25. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
Trả lãi vay			
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	467.671.600	518.805.000
Thanh toán cổ tức			
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	-	1.620.000.000
Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011			
Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
Phải trả khác			
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	1.242.552.800	-
Vay ngắn hạn			
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	5.670.000.000	5.670.000.000
Lãi vay phải trả			
Tổng công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	Nhà đầu tư	332.778.400	146.475.000

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2012
TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lý

Trần Long Trí

